

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày 08-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tuấn

Bà Hoàng Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Quang T (tên gọi khác: Nông Văn U); sinh ngày 02/9/1939 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P - L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/10; con ông Nông Tiên V và con bà Vi Thị V (đều đã chết); vợ: Lộc Thị X, sinh năm 1944; con: Có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1968, con nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1972 bị xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản riêng của công dân tại Bản án số 25/HSST ngày 28/7/1972 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nay đã được xóa án tích; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nông Văn T1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 13/3/1969 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P - L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/10; con ông Nông Văn R và con bà Luân Thị N (đều đã chết); vợ: Vi Thị T, sinh năm 1973; con:

Có 02 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Quang T:* Bà Chu Bích Thu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1:* Bà Triệu Thị Kim Loan, Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nông Quang T, sinh năm 1939. Địa chỉ: Thôn P – L xã T, huyện Vn, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Nông Văn T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn P - L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Vi Thị T, sinh năm 1973. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Quang T (sinh năm 1939) và Nông Văn T1 (sinh năm 1969) có quan hệ họ hàng chú cháu, cùng trú tại thôn P - L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình Nông Quang T và Nông Văn T1 có mâu thuẫn tranh chấp hai cây nhãn ở trước cổng nhà Nông Văn T1 từ năm 2013 đến nay. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/9/2020, Nông Quang T đi lên rừng Tu Nùng để chặt tre về treo trám, khi đi Nông Quang T cầm trên tay 01 con dao quắm bằng kim loại tra cán gỗ, dài 78cm (lưỡi dao dài 38cm, cán dao dài 40cm) và mang theo 01 con dao khác dài 38,5cm để trong 01 chiếc nải đeo ở vai trái. Khi đến cổng nhà Nông Văn T1 thì hai bên xảy ra cãi nhau, Nông Quang T dùng tay phải cầm con dao quắm chém 01 phát từ trên xuống dưới về phía Nông Văn T1, Nông Văn T1 cúi người tránh thì bị dao chém trúng đỉnh trán. Sau đó, Nông Văn T chạy đến đồng cũi phía sau cổng nhà nhặt một đoạn cây có chiều dài 1,23m (đường kính hai đầu lần lượt là 5cm và 4,3cm) rồi chạy ra ngoài cổng đánh nhau với Nông Quang T. Nông Văn T1 vừa dùng cây đỡ dao của Nông Quang T, vừa đánh nhiều lần vào tay, chân của Nông Quang T, còn Nông Quang T tiếp tục chém 01 phát trúng vào cánh tay trái của Nông Văn T1. Đánh nhau được một lúc, hai bên lao vào ôm nhau, giằng co, xô đẩy rồi ngã xuống đường bê tông, Nông Văn T1 nằm đè lên người Nông Quang T và cắn 02 phát vào tay để Nông Quang T bỏ dao ra. Lúc này, khi nghe tiếng xô xát đánh nhau ở ngoài cổng, bà Vi Thị T (sinh năm 1973, là vợ Nông Văn T1) từ trong nhà chạy ra can ngăn, giật lấy dao của Nông Quang T và ném đi. Sau đó, Nông Quang T, Nông Văn T1 không đánh nhau nữa và cùng đi đến Trạm Y tế xã T, huyện V để điều trị thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 281/2020/PYTT ngày 29/10/2020 đối với Nông Quang T, kết luận:

- *Sẹo vết sây xước vùng 1/3 giữa mặt trước ngoài cánh tay phải: 01%*

- Sẹo vết sây xước vùng 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay phải: 01%
 - Sẹo vết sây xước vùng 1/3 giữa mặt ngoài cẳng tay trái: 01%
 - Biến đổi sắc tố da màu tím đen từ 1/3 dưới mặt sau ngoài cánh tay trái qua khuỷu tay đến 1/3 trên mặt sau ngoài cẳng tay trái: 01%
 - Sẹo vết sây xước vùng 1/3 dưới mặt ngoài cẳng chân trái: 01%
 - Cơ chế hình thành tổn thương: Do vật tày gây nên.
- Tổng tỷ lệ: 05% (Năm phần trăm).*

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 282/2020/PYTT ngày 29/10/2020 đối với Nông Văn T1, kết luận:

- Sẹo vết thương vùng trán đỉnh có tóc che phủ: 01%
 - Sẹo nhỏ vùng 1/3 dưới mặt ngoài cánh tay trái: 01%
 - Cơ chế hình thành tổn thương: Do vật sắc gây nên.
- Tổng tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng, đồ vật sau: 02 con dao, 01 đoạn cây, 01 túi vải màu đen, 01 đôi giày vải, 01 áo dài tay màu xanh, 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám.

Ngày 29/10/2020, Nông Quang T và Nông Văn T1 đều có đơn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra, Nông Quang T và Nông Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Nông Quang T và Nông Văn T1 không thỏa thuận được về việc bồi thường thiệt hại sức khỏe.

Quá trình điều tra Nông Quang T yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương tối thiểu tổng là 14.900.000 đồng, các khoản khác không yêu cầu vì không phát sinh chi phí. Tại phiên tòa tăng mức yêu cầu lên 53.800.000 đồng bao gồm các khoản: Tiền mất thu nhập của bản thân, bồi dưỡng sức khỏe và tiền tổn thất tinh thần.

Nông Văn T1 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 100.850.000 đồng, tại phiên tòa yêu cầu tổng số tiền 54.540.000 đồng bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần.

Với hành vi như trên tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSVQ, ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nông Quang T và Nông Văn T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích.

- Về hình phạt:

Đối với Nông Quang T: Đề nghị áp dụng điểm o, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 09 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với Nông Văn T1: Đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng khấu trừ thu nhập và cũng không buộc thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng đối với các bị cáo vì tuổi cao, công việc và thu nhập không ổn định, điều kiện gia đình khó khăn.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 590 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nông Quang T bồi thường cho ông Nông Văn T1 tổng các khoản từ 5.890.000 đồng đến 7.380.000 đồng.

Buộc bị cáo Nông Văn T1 phải bồi thường cho ông Nông Văn T tổng các khoản từ 6.180.000 đồng đến 7.670.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đối với các vật chứng liên quan đến tội phạm không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy, các vật chứng không liên quan đến tội phạm nhưng các bị cáo không yêu cầu được trả lại và cũng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Quang T và người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T1 đều nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng. Về mức hình phạt đề nghị xử mức án thấp nhất và đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về dân sự đề nghị xem xét chấp nhận khác khoản chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nông Quang T đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, bị cáo Nông Văn T1 đã nhận thức được lỗi lầm của bản thân và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra các bị cáo đều khai nhận hành vi của bản thân phù hợp như bản cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, tại phiên tòa riêng bị cáo Nông Quang T cho rằng không cố ý gây thương tích cho Nông Văn T1 mà do Nông Văn T1 đánh trước nên bị cáo chỉ dùng dao tự vệ khi bị tấn công, nhưng tại các biên bản lấy

lời khai, biên bản đối chất tại cơ quan điều tra có sự tham gia của người bào chữa, người chứng kiến bị cáo đều thừa nhận khi hai bên xảy ra xô sát, bị cáo có được dùng dao chém Nông Văn T1 02 phát. Khi hai bên xảy ra xô sát không ai khác có mặt tại hiện trường nên không xác định được ai là người tấn công trước, nhưng các bị cáo xác định có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công lẫn nhau, do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Quang T đã dùng dao loại dao quắm tra cán chém Nông Văn T1 gây ra thương tích 02%, còn Nông Văn T1 dùng gậy đánh và dùng răng cắn Nông Quang T gây thương tích 05%. Bởi lẽ đó có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân, thấy rằng bị cáo Nông Văn T1 chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt. Bị cáo Nông Quang T vào năm 1972 đã từng bị xét xử về hành vi Trộm cắp tài sản riêng công dân, tuy đã được xóa án tích nhưng xác định bị cáo có nhân thân không tốt.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nông Văn T1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nông Quang T quá trình điều tra thành khẩn khai báo, nhưng tại phiên tòa khai báo quanh co, chưa nhận thức được sai phạm của bản thân nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; khi phạm tội bị cáo trên 70 tuổi nên được áp dụng điểm o và bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có vợ là Lộc Thị Xuân được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt: xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo tuổi đều đã cao nhưng không gương mẫu để làm gương cho con cháu, chỉ xuất phát từ việc tranh chấp cây nhãn giữa hai gia đình mà ngoài lần phạm tội này, trước đó giữa hai bị cáo đã nhiều lần xảy ra xô sát, gây thương tích cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng nghiêm trọng. Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận đã có 05 đến 06 lần gây thương tích cho nhau, bởi lẽ đó nếu không áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, đủ tính răn đe thì khó có thể ngăn chặn các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó xét đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Kiểm sát viên và người bào chữa là phù hợp nhưng áp dụng mức cao nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với cả hai bị cáo. Không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập và cũng không buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng do

các bị cáo tuổi đã cao, việc làm và thu nhập không ổn định, đều có hoàn cảnh khó khăn.

[7] Về bồi thường dân sự: Do các bị cáo cùng gây thương tích cho nhau nên cả Nông Quang T và Nông Văn T1 đều là bị cáo nhưng cũng đồng thời là bị hại trong vụ án nên đều có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

[8] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nông Quang T: Tại phiên tòa yêu cầu bồi thường tổng số tiền 53.800.000 đồng bao gồm tiền mất thu nhập của bản thân, phục hồi sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần. Nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tuy nhiên theo xác minh tại địa phương thì mức thu nhập một ngày công lao động trên địa bàn là 200.000 đồng/1 ngày công và với thương tích của Nông Quang T thì theo chỉ định của Bác sỹ 15 ngày là hồi phục và sinh hoạt bình thường. Do vậy chỉ chấp nhận khoản tiền mất thu nhập trong 15 ngày \times 200.000đồng/1 ngày = 3.000.000 đồng. Bị cáo bị gây thương tích 05% nên việc yêu cầu tiền tổn thất tinh thần 20 tháng lương là chưa phù hợp, xét thấy chấp nhận mức 05 tháng lương \times 1.490.000/1 tháng = 7.450.000 đồng là phù hợp. Các khoản khác bị cáo không chứng minh được và tại đơn yêu cầu ban đầu bị cáo cũng xác định các khoản chi phí khác không phát sinh nên không chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu bồi thường của Nông Văn T1: Yêu cầu tổng số tiền 54.540.000 đồng gồm các khoản tiền thuốc, viện phí, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần. Xét thấy bị cáo không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu do các khoản viện phí đã được bảo hiểm chi trả nên chỉ được chấp nhận khoản tiền mất thu nhập 200.000 đồng/1 ngày theo mức thu nhập xác minh tại địa phương \times với 10 ngày để hồi phục sức khỏe theo chỉ định của Bác sỹ nơi điều trị = 2.000.000 đồng; bị cáo chỉ bị gây thương tích 02% nên chỉ chấp nhận tiền tổn thất tinh thần là 03 tháng lương tối thiểu \times 1.490.000 đồng = 4.470.000 đồng. Các khoản khác không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có chỉ định của Bác sỹ nên không chấp nhận.

[10] Về các vật chứng trong vụ án, xét thấy 01 con dao quắm tra cán gỗ là hung khí bị cáo Nông Quang T sử dụng phạm tội; 01 đoạn cây bị cáo Nông Văn T1 sử dụng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 con dao, 01 túi vải màu đen, 01 đôi giày vải, 01 áo dài tay màu xanh, 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám các bị cáo không yêu cầu trả lại và cũng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, đều thuộc hộ nghèo, bị cáo Nông Quang T là người cao tuổi.

[12] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm o, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Quang T;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn T1;

Căn cứ các Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự;

Căn cứ điểm d, đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Quang T (tên gọi khác: Nông Văn Ú) và Nông Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Quang T (tên gọi khác: Nông Văn Ú) 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường về dân sự:

Bị cáo Nông Quang T (tên gọi khác: Nông Văn Ú) có trách nhiệm bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm cho Nông Văn T1 tổng số tiền 6.470.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nông Văn T1 có trách nhiệm bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm cho Nông Quang T tổng số tiền 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 con dao kim loại, cán cầm bằng gỗ, có tổng chiều dài là 78cm. Phần lưỡi dao dài 38cm, bản dao nơi rộng nhất là 04cm, nơi hẹp nhất là 03cm. Phần cán cầm dài 40cm, đường kính 03cm;

- 01 đoạn cây có chiều dài 1,23m, đường kính hai đầu cây lần lượt là 05cm và 4,3cm;

- 01 túi bằng vải, có màu đen, diện 45cmx76cm;

- 01 con dao kim loại có chiều dài 38,5cm;

- 01 đôi giày vải loại cao cổ, màu xanh rêu;

- 01 áo dài tay màu xanh, trên móc cổ áo có chữ “QN-2003/CTY 20”, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám, trên mũ có chữ “OLD NAVY”.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2021).

5. Án phí: Bị cáo Nông Quang T và Nông Văn T1 mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

6. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Công an huyện Văn Quan;
- CCTHADS huyện V;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã T, huyện V;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp